

**Ủy ban Kinh tế Quốc hội - Hội đồng Kinh tế Quốc dân - GRIPS/VDF**

HỘI THẢO “CHỖ TỌA ĐỘ NGƯỜI NGƯỜI TRONG KINH TẾ VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2001-2010 VÀ NHỮNG NGƯỜI ĐIỂM 2020”

*Hà Nội, 24 tháng 02 năm 2011*

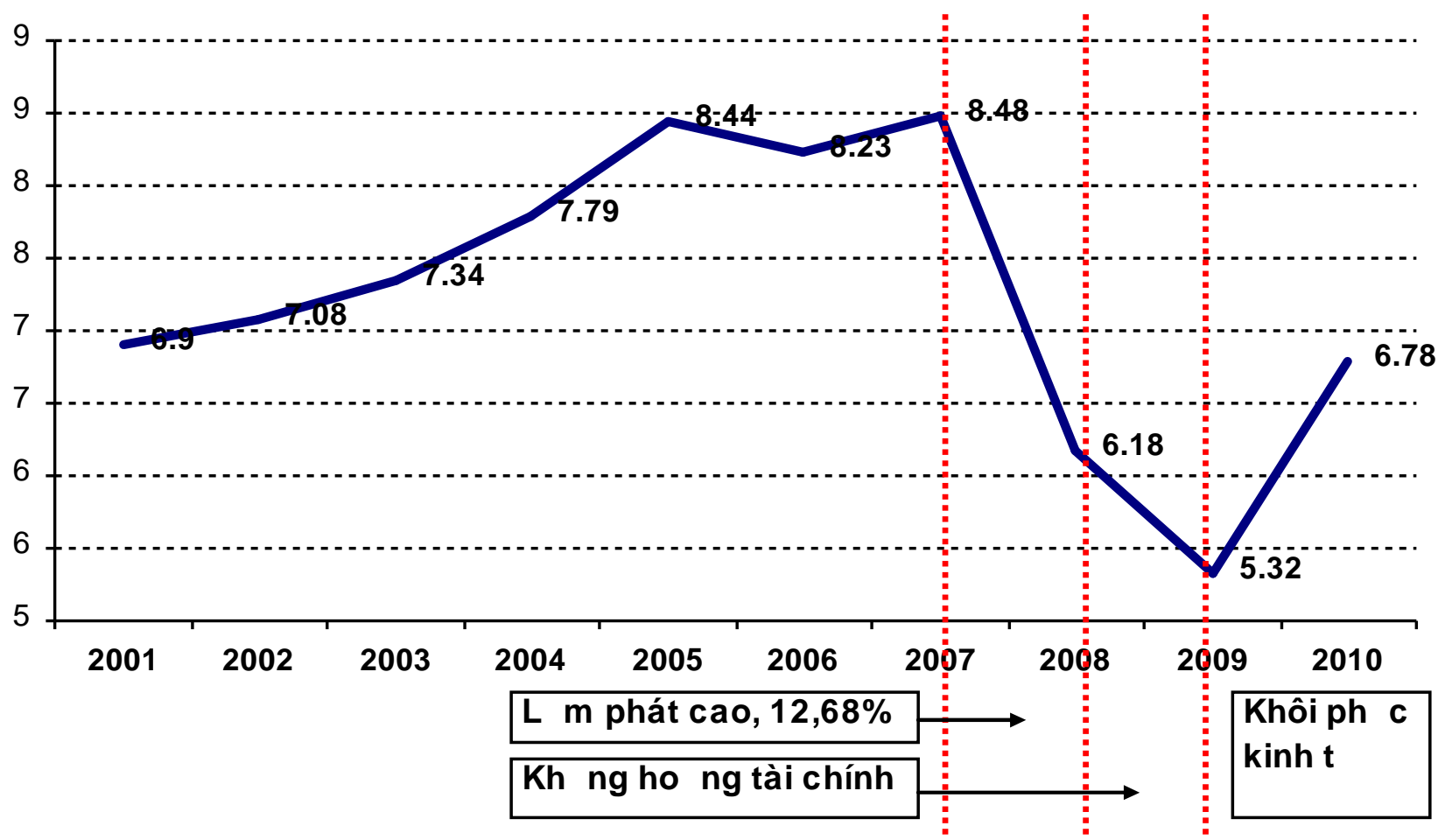
**CHỖ TỌA ĐỘ NGƯỜI NGƯỜI TRONG KINH TẾ VIỆT NAM  
DẪN ĐƯỜNG VÀ NHỮNG NGƯỜI ĐIỂM  
TRONG KINH TẾ**

TS. Bùi Trường Giang

Th.s Phạm Sĩ An

Viện Kinh tế Việt Nam

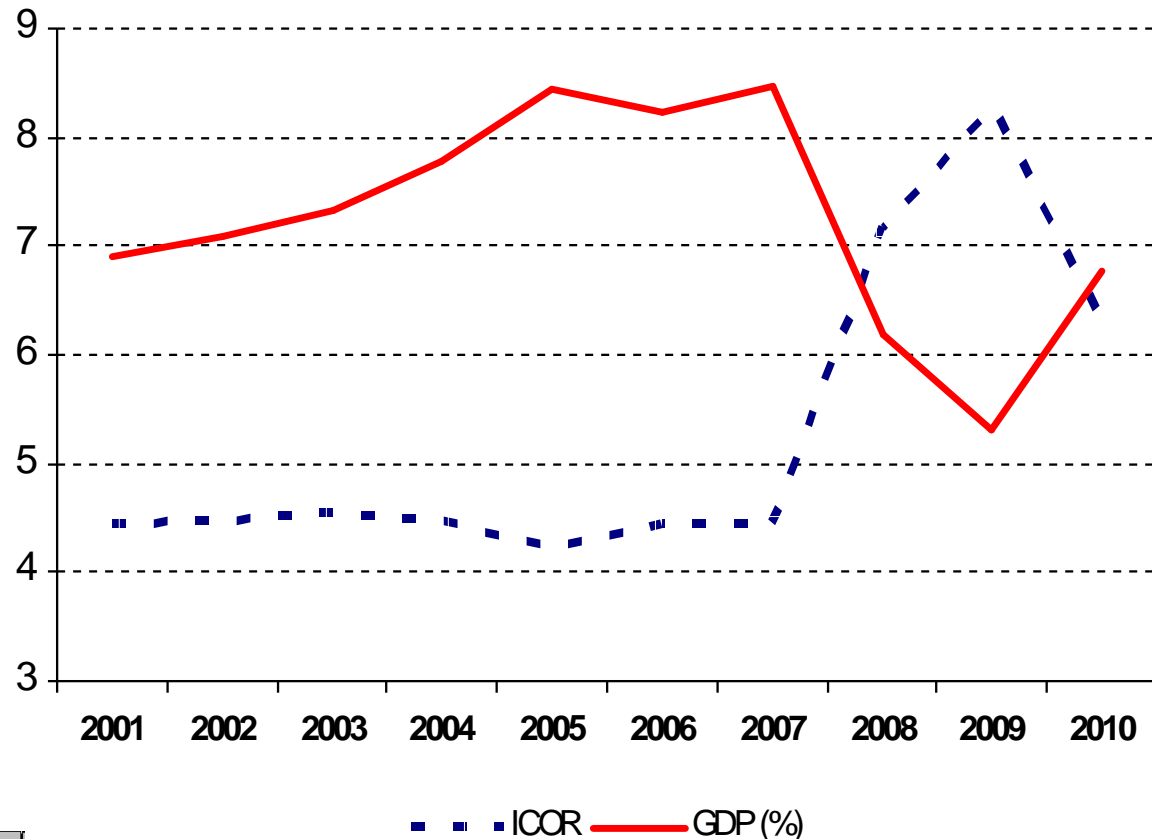
# 1- Tỷ trọng nợ công Việt Nam giai đoạn 2001-2010



Nguồn: Tổng cục Thống kê.

# a) Hi u qu c a n n kinh t qua ch s ICOR

H s ICOR và t ng tr ng kinh t có m i quan h ng c: thông th ng khi ICOR cao thì t c t ng tr ng th p và ng c l i. H s t ng quan cho hai bi n là **-0,86**.



Assuming a time lag between investment and related increase in output of one period, the incremental capital output ratio can be derived - for the total economy - as:

$$ICOR = I_t / (GDP_t - GDP_{t-1})$$

or for sector / industry 'i' as:

$$ICOR_i = I_{i,t} / (Output_{i,t} - Output_{i,t-1})$$

where  $I_t$  is (gross) investment in period t.

A pragmatic solution is to obtain a long-term ICOR;

$$ICOR_{t,0} = \sum_0^{t-1} I_t / (GDP_t - GDP_0)$$

A quick, and approximate, method to obtain ICOR;

$$ICOR = \text{Average annual share of investment in GDP}$$

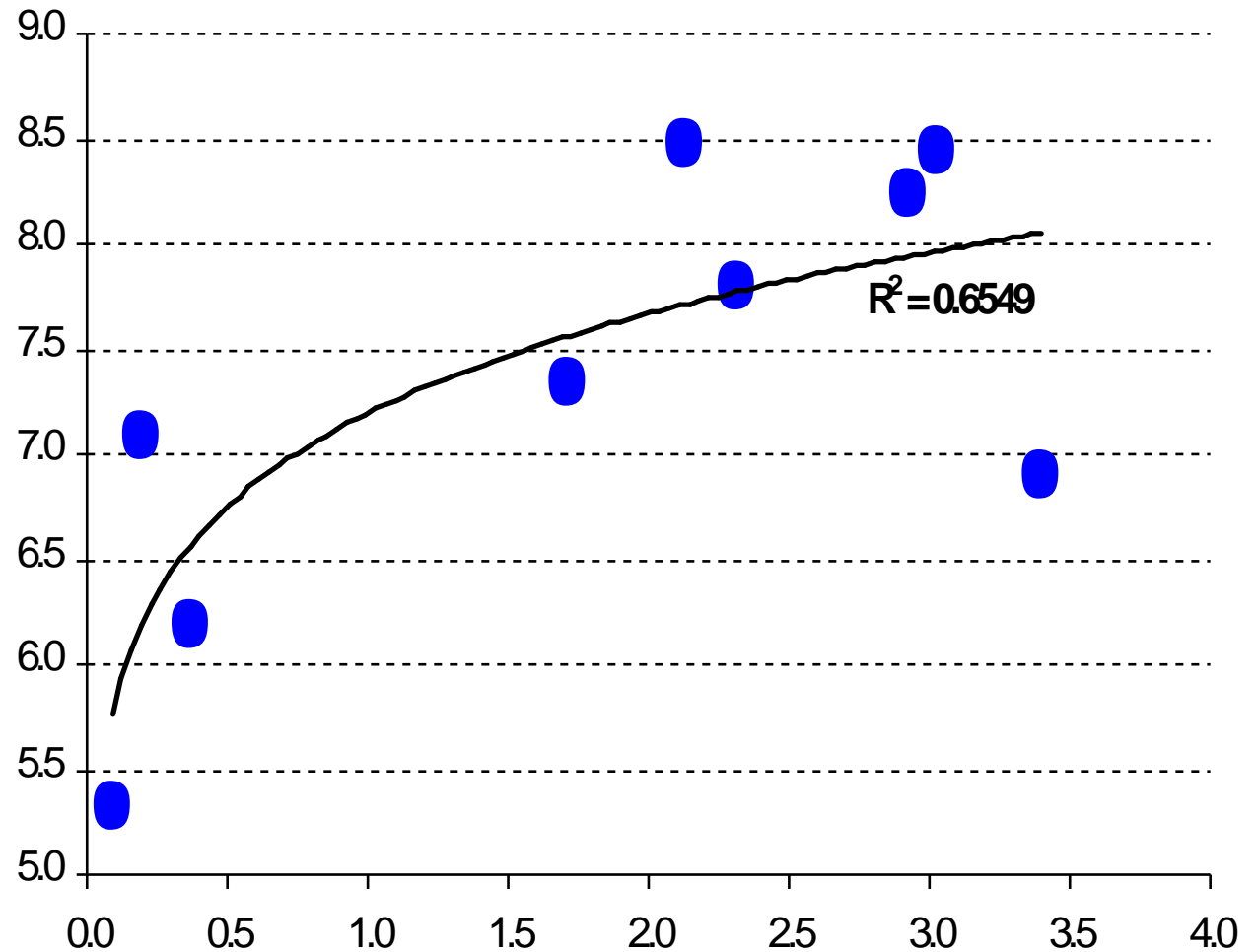
$$/ \text{Average annual growth rate of GDP}$$

L u ý: H s ICOR càng cao ph n ánh hi u qu t càng th p. H s ICOR c tính b ng công th c ICOR = , trong ó là ut k tr c, là t ng s n l ng qu c n ith i k hi n t i, và là k tr c. T t c các bi n u c tính theo giá c nh 1994.

Ngu n: T ng c c Th ng kê.

## b) Hiểu quan hệ kinh tế qua các trình độ TFP

Trình độ TFP và trình độ kinh tế quan hệ như thế nào: TFP tăng kéo theo trình độ kinh tế tăng và ngược lại, TFP giảm kéo theo trình độ kinh tế giảm.



Nguồn: Tổng cục Thống kê và tính toán của tác giả<sup>4</sup>

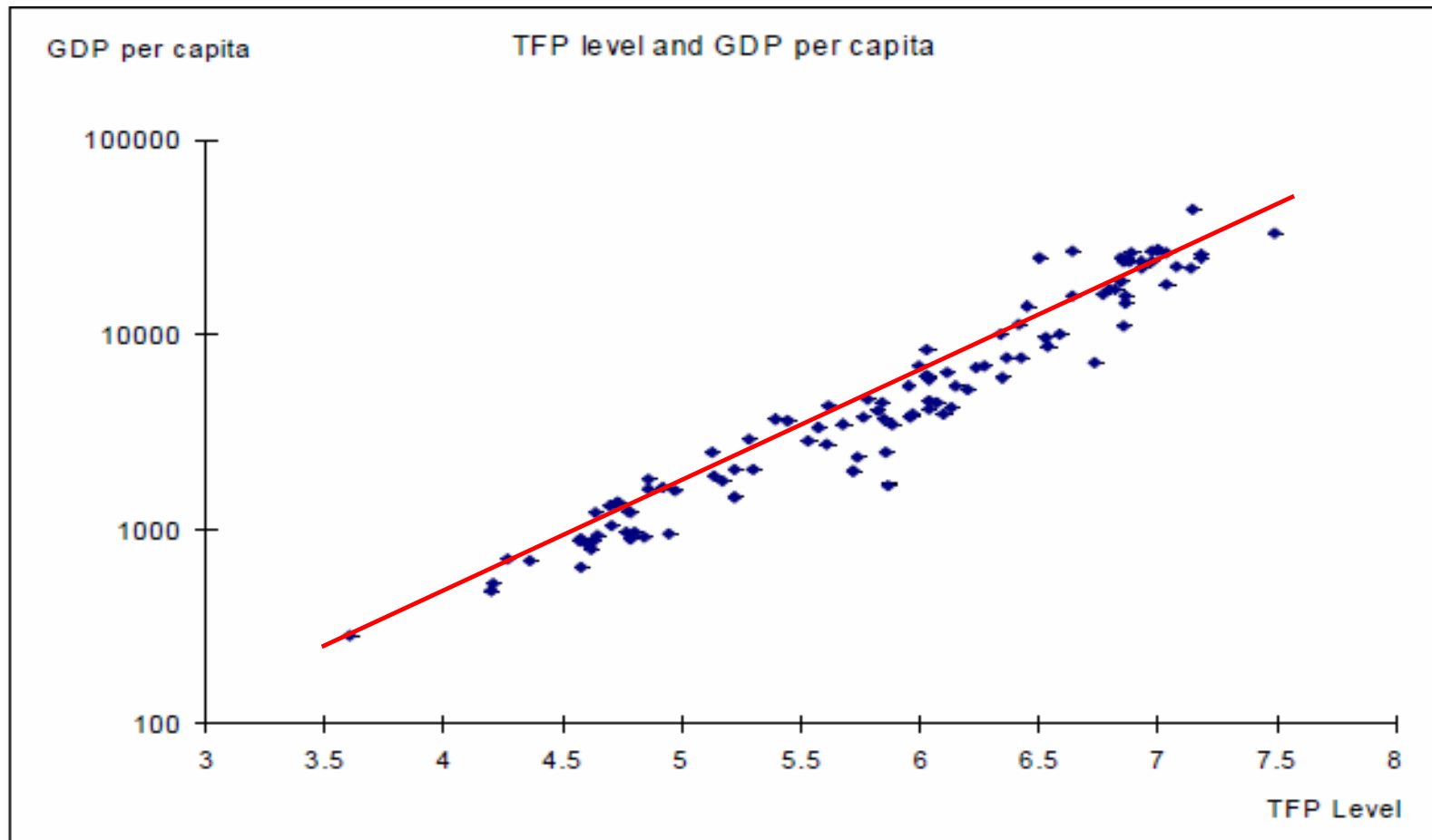
# SOURCES OF GROWTH 1990-2008.

**TABLE 2.3:**  
SOURCES OF  
GDP GROWTH,  
1990-2008

Country	Period 1990-2000				Period 2000-2008			
	GDP	Sources of Growth			GDP	Sources of Growth		
	Growth	Capital	Labor	TFP	Growth	Capital	Labor	TFP
Contribution in percentage points per annum (ppa)								
Vietnam	7.3	2.5	1.6	3.2	7.3	3.9	1.4	1.9
China	9.9	3.6	0.7	5.5	9.7	4.1	0.6	5
India	5.3	2.1	1.2	2	7.3	3.1	1.6	2.7
Cambodia	7.3	2.8	2.5	2	9	4.2	3.5	1.3
Indonesia	4.1	2.5	1.1	0.5	5.1	1.4	1.1	2.5
Malaysia	6.9	3.7	2.1	1.1	5.4	1.6	1.1	2.7
Philippines	3	1.3	1.4	0.3	4.7	1	1.9	1.8
Thailand	4.4	2.7	0.3	1.4	4.7	0.8	1.4	2.5
Contribution share								
Vietnam	100%	34%	22%	44%	100%	53%	19%	26%
China	100%	36%	7%	56%	100%	42%	6%	52%
India	100%	40%	23%	38%	100%	42%	22%	37%
Cambodia	100%	38%	34%	27%	100%	47%	39%	14%
Indonesia	100%	61%	27%	12%	100%	27%	22%	49%
Malaysia	100%	54%	30%	16%	100%	30%	20%	50%
Philippines	100%	43%	47%	10%	100%	21%	40%	38%

Source: Data from  
WDI; calculations by  
ACI

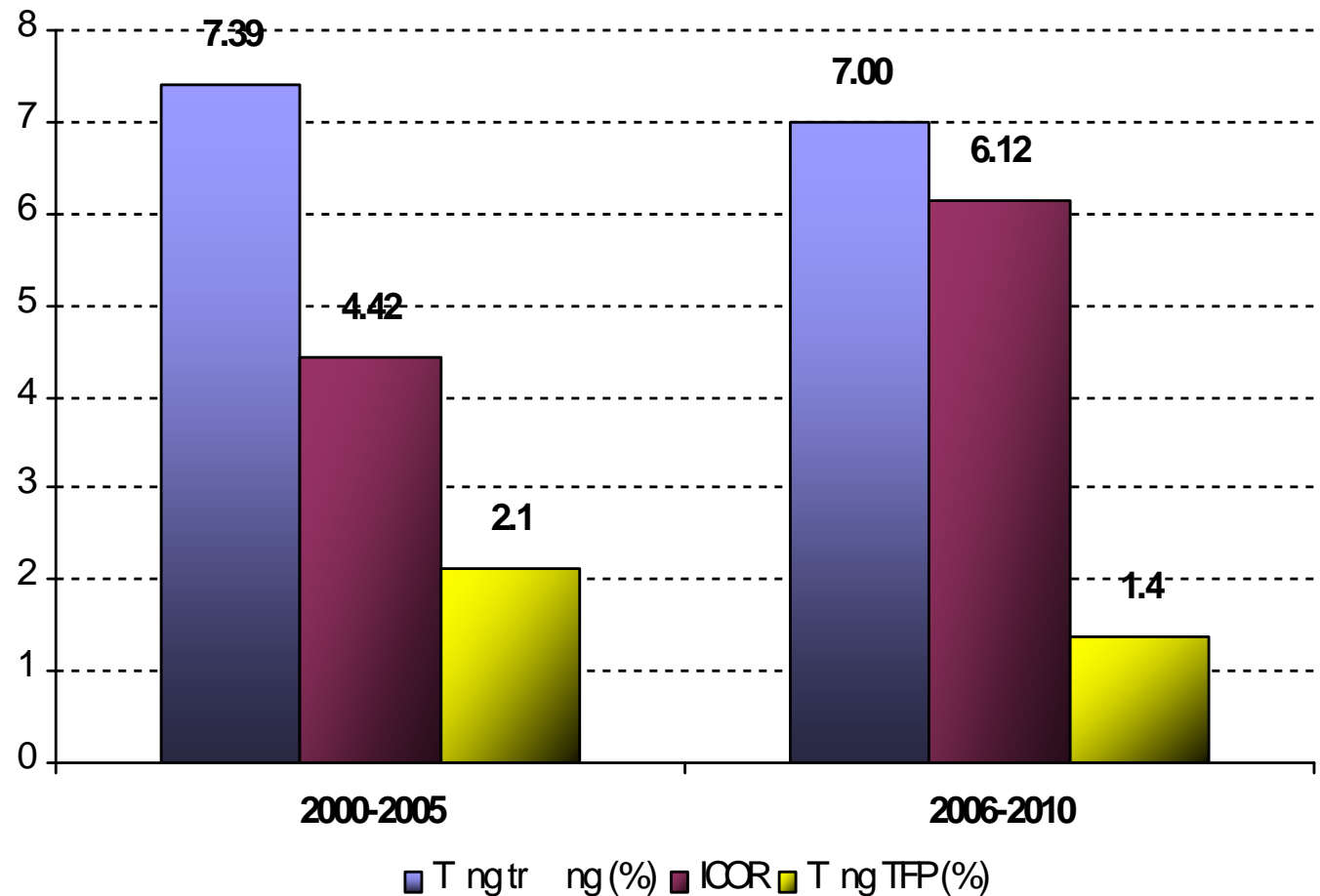
# TFP level and GDP per capita



*Note:* Summers and Heston's Penn World Data 1950-2000 for 114 countries/regions are used to calculate the TFP levels. [Source: Uwasu, *Sources of Growth*, 2006, pg.5.]

## c) V n t ng tr ng và hi u qu

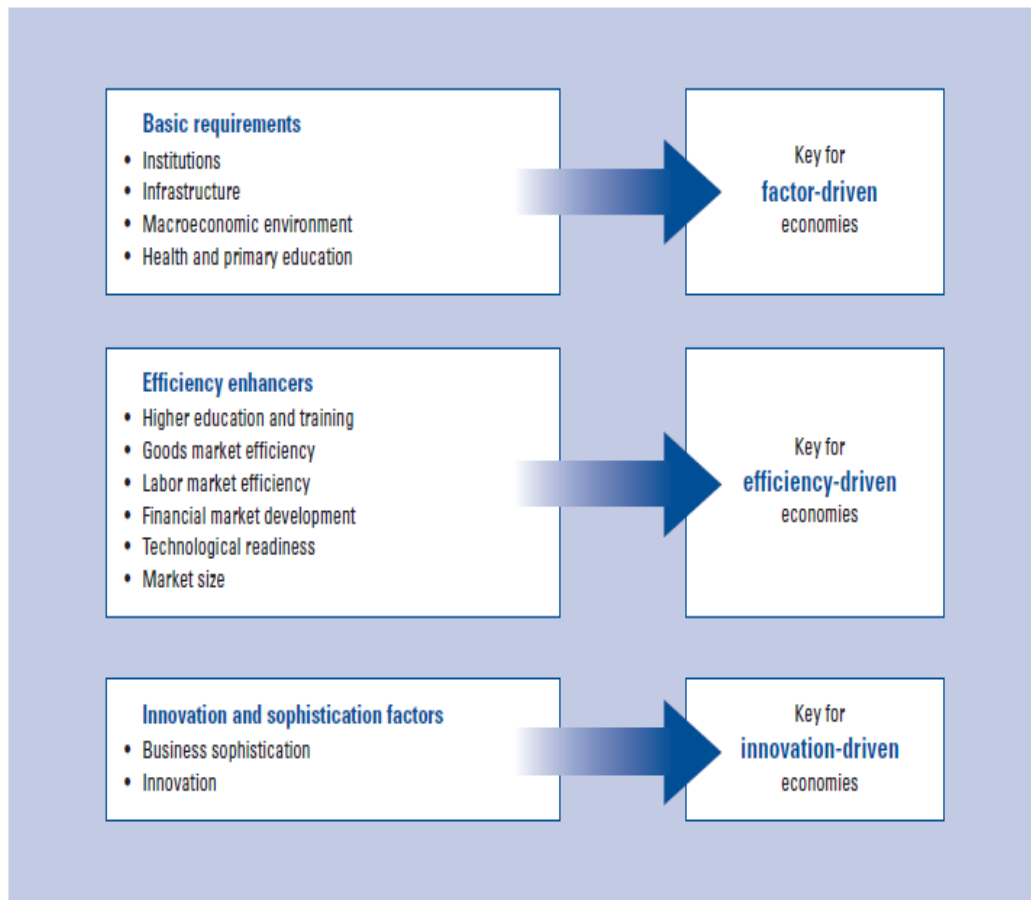
T ng tr ng kinh t giai o n 2006-2010 th p h n giai o n 2000-2005. Hi u qu c a n n kinh t giai o n sau c ng th p h n th hi n qua ICOR cao h n và t ng TFP th p h n.



Ng u n: T ng c c Th ng kê và tính toán c a tác gi 7.

# 2- Năng lực cạnh tranh và Mô hình tăng trưởng

Figure 1: The 12 pillars of competitiveness



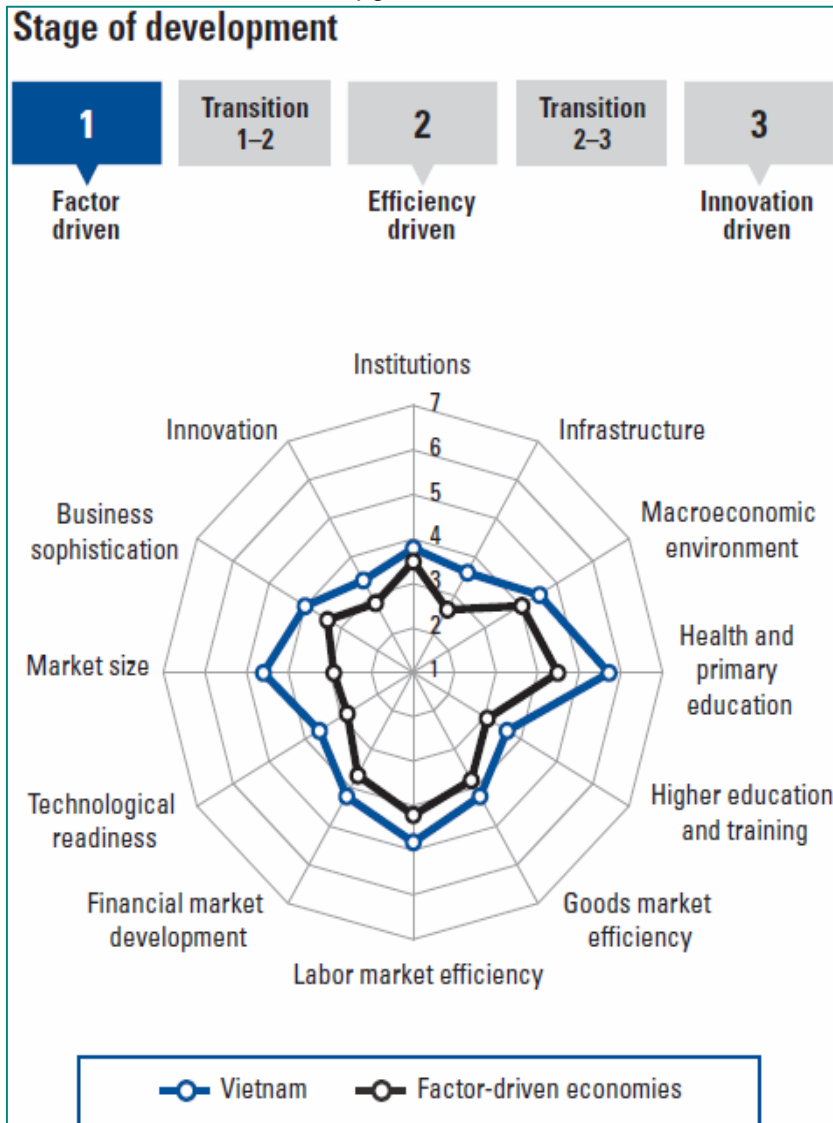
- V C B N, N N KINH T V N T NG TR NG D A VÀO CÁC NHẬT S N XU T TRUY N TH NG (**FACTOR-DRIVEN**)
- TRONG KHI Ó CÁC N N KINH T PHÁT TRI N H N CHUY N D CH SANG CÁC NHẬT GIÚP T NG C NG HI U QU VÀ S **SÁNG T O**

Table 1: Weights of the three main subindexes at each stage of development

Subindex	Factor-driven stage (%)	Efficiency-driven stage (%)	Innovation-driven stage (%)
Basic requirements	60	40	20
Efficiency enhancers	35	50	50
Innovation and sophistication factors	5	10	30

# a) WEF-Global Competitive Report 2010-11: Vietnam

Source: WEF-GCR 2010-11: pg. 346



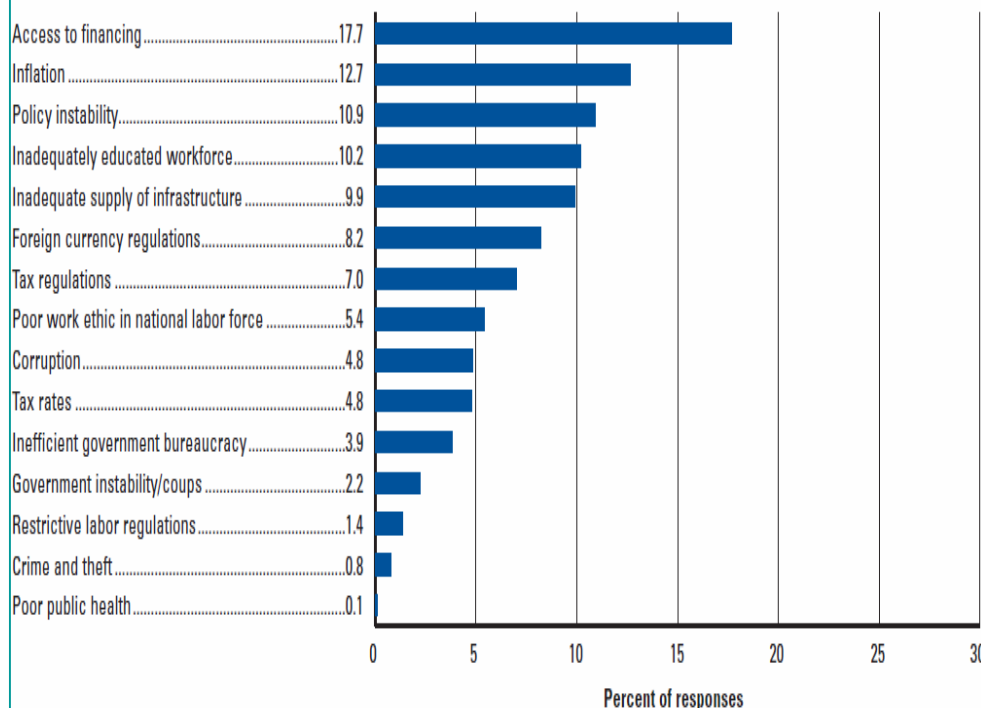
**Global Competitiveness Index**

	Rank (out of 139)	Score (1-7)
<b>GCI 2010-2011</b> .....	<b>59</b>	<b>4.3</b>
GCI 2009-2010 (out of 133).....	75	4.0
GCI 2008-2009 (out of 134).....	70	4.1
<b>Basic requirements</b> .....	<b>74</b>	<b>4.4</b>
1st pillar: Institutions .....	74	3.8
2nd pillar: Infrastructure.....	83	3.6
3rd pillar: Macroeconomic environment .....	85	4.5
4th pillar: Health and primary education .....	64	5.7
<b>Efficiency enhancers</b> .....	<b>57</b>	<b>4.2</b>
5th pillar: Higher education and training .....	93	3.6
6th pillar: Goods market efficiency.....	60	4.2
7th pillar: Labor market efficiency .....	30	4.8
8th pillar: Financial market development.....	65	4.2
9th pillar: Technological readiness.....	65	3.6
10th pillar: Market size.....	35	4.6
<b>Innovation and sophistication factors</b> .....	<b>53</b>	<b>3.7</b>
11th pillar: Business sophistication.....	64	4.0
12th pillar: Innovation.....	49	3.4

# Vietnam's WEF-GCR Ranking

## 2010-1: Doing Business Factors

The most problematic factors for doing business



Note: From a list of 15 factors, respondents were asked to select the five most problematic for doing business in their country and to rank them between 1 (most problematic) and 5. The bars in the figure show the responses weighted according to their rankings.

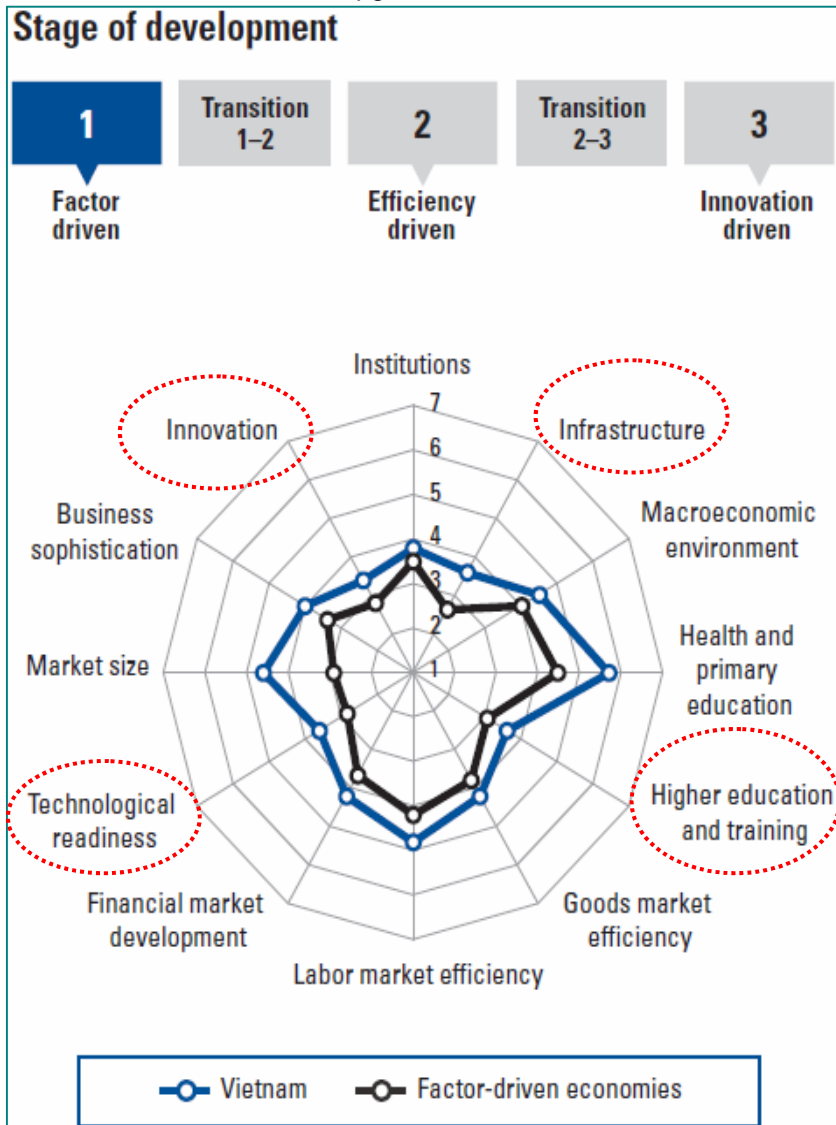
Một số yếu tố chính thành lập doanh nghiệp là các tranh chấp, hành vi quản lý, chi phí và năng suất của nền kinh tế. Đây là những nhân tố mà WEF cho rằng là những thách thức, bao gồm:

1. Khó khăn tiếp cận vốn;
2. Môi trường kinh tế vĩ mô (lạm phát & chính sách);
3. Lao động có đạo đức;
4. Cơ sở hạ tầng...

Đây chính là những rào cản của nền kinh tế Việt Nam trên công trường thị trường thế giới.

## b) Nhân nh

Source: WEF-GCR 2010-11: pg. 346



*Các nhân tố y u kém làm ch s n ngl c c nh tranh th p thì ng th i c ng là các nhân tố làm c n tr t ng n ng su t, t ng tr ng kinh t và m c s ng ng i dân.*

# 3- Kết luận

- Tốc độ tăng trưởng trung bình 5 năm giai đoạn 2006-2010 thấp hơn so với trung bình 5 năm giai đoạn 2001-2010.
- Hiệu quả tăng trưởng kinh tế trung bình 5 năm 2006-2010 giảm so với 5 năm 2001-2005.
- Tầm nhìn 2020: Các “**điểm đột phá**” chủ yếu tăng trưởng
  - 1. **Thể chế phát triển** (INSTITUTION)
  - 2. **Năng lực Sáng tạo** (INNOVATION) và **Hệ thống Công nghệ** (TECH. READINESS)
  - 3. **Cơ sở hạ tầng** (INFRASTRUCTURE)
  - 4. **Giáo dục – Đào tạo bậc cao** (HIGHER EDU. & TRAINING)

# ***Thông lệ chính sách***

- *Nhiệm vụ số 1 của Chính phủ là phải đưa ra các chính sách và những biện pháp rào cản, các nút thắt cho thị trường, và những điều kiện thuận lợi cho mô hình thị trường dựa vào năng suất và công nghệ.*

XIN C M N!